

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 144/2023/HS-ST
Ngày: 14 - 12 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khel .

Ông Hà Văn Châu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 139/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2023/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1/. Lý Ngọc H, sinh ngày 22/12/1996 tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: số B đường P, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Ngọc T và mẹ bà Lâm Thị H1; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 lần, vào ngày 27 tháng 11 năm 2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xử phạt 01 năm 06 tháng tù về Tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 20 tháng 11 năm 2021, chưa được xóa án tích; tiền sự: 01 lần, vào ngày 13 tháng 4 năm 2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 22 tháng (nhân thân: vào ngày 07/01/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng, đã chấp hành xong); bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/8/2023 cho đến nay (có mặt).

2/. Lâm Văn T1, sinh ngày 07/4/1998 tại Sóc Trăng. Nơi cư trú: số B đường H, Khóm F, Phường F, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: khmer; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lâm Văn L và mẹ bà Danh Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án: 02 lần,

vào ngày 29 tháng 01 năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 05 năm tù về Tội cướp tài sản và vào ngày 21 tháng 4 năm 2016 bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 năm tù về Tội cướp tài sản, tổng hợp hình phạt của 02 bản án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 11 năm tù, chấp hành xong ngày 14 tháng 10 năm 2022, chưa được xóa án tích; tiền sự: không (về nhân thân: vào ngày 13/7/2023 bị Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 22 tháng); bị cao đang bị quản lý tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị hại:

Bà Đỗ Thị T2, sinh ngày 24/8/1970. Nơi cư trú: số E, đường số B, khu V, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

Ông Trịnh Đức H2, sinh ngày 11/01/2002. Nơi thường trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: số E đường L, khóm E, phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Ông Cao Thanh T3, sinh ngày 25/01/1982. Nơi thường trú: ấp B, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: số D đường T, khóm F, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Bà Kha Thị Cẩm T4, sinh ngày 09/3/1985. Nơi thường trú: số LK08-28 đường C, khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lý Ngọc H là người không có nghề nghiệp và nghiện ma túy. Do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 17 tháng 3 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2023, H đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn thành phố S, trong đó có một vụ H rủ Lâm Văn T1 là em bà con với H cùng thực hiện, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 17 tháng 3 năm 2023, H đi bộ từ nhà của H, tại số B, đường H, khóm F, phường F, thành phố S đến khu dân cư M, thành phố S để tìm tài sản của người khác lấy trộm; H đi theo đường chính (đường B) vào khu dân cư M, khi đi đến dãy nhà hoang thì H leo lên nóc dãy nhà này và tiếp tục di chuyển. Khi đến nhà của bà Đỗ Thị T2, số LK02 02-04, đường B, khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S, H thấy trần thạch cao nhà của bà T2 bị hỏng nên H dùng chân đạp mạnh làm bể trần thạch cao tạo một lỗ hỏng. Sau đó, H lấy một dây thừng lượm được ở căn nhà hoang trước đó buộc làm thang rồi leo vào nhà của bà T2. Khi vào nhà, H đi đến tầng một thì thấy một chiếc Tivi hiệu Sony, màn hình 55 inch đang treo trên tường nên H dùng hai tay lấy chiếc tivi xuống đặt xuống nền nhà. Sau đó, H đi đến nhà bếp lấy một cái thang xếp bằng nhôm và ôm tivi đi xuống nhà khách, H mở cửa trước rồi đưa tivi và cây thang ra khỏi cổng rào. Sau khi đưa tài sản ra khỏi nhà, H quay lại đi lên lầu và leo ra ngoài

từ đường ban công. Khi leo xuống đất, H ôm tivi về nhà cất giấu, còn cái thang H để lại hiện trường. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, H mang tivi đi bán cho một người đàn ông chạy xe ôm ở khu vực Chùa K (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) với số tiền 1.500.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐĐG, ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Một tivi, nhãn hiệu Sony, màn hình 55 inch, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 60%, có giá là 11.034.000 đồng và một cái thang bằng nhôm, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 50%, có giá là 710.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo H lấy trộm của bị hại T2 là 11.744.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ một sợi dây được xếp đôi, có nhiều mối thắt, dài 2,3 mét, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T2 yêu cầu bị cáo H bồi thường tổng số tiền 11.744.000 đồng.

Vụ thứ hai và vụ thứ ba: Vào khoảng 00 giờ 00 phút ngày 19 tháng 4 năm 2023, H đi bộ từ nhà của H, tại số B, đường H, khóm F, phường F, thành phố S đến nhà T1, tại số B, đường H, khóm F, phường F, thành phố S để rủ T1 đi kiểm tài sản của người khác lấy trộm, thì T1 đồng ý. Sau đó, H và T1 đi bộ đến nhà ông Trịnh Đức H2, số B, đường H, khóm F, phường F, thành phố S thì thấy không có ai ở nhà nên H lấy một cây vít chuẩn bị sẵn từ trước ra mở vách tôn nhà ông H2. Sau khi mở được vách tôn, H đi vào nhà lấy trộm được một máy bơm nước và đưa cho T1 cất giữ, sau đó H lấy trộm thêm một máy khoan điện và một cây kéo bằng kim loại. Sau khi lấy trộm được tài sản, H và T1 đưa tài sản về nhà T1 cất giấu. Sau khi đưa tài sản về nhà T1 cất giấu, H và T1 tiếp tục đi kiểm tài sản của người khác để lấy trộm. Khi H và T1 đi đến nhà của ông Cao Thanh T3, tại số B, đường H, khóm F, phường F, thành phố S, H tiếp tục dùng cây vít mở tôn nhà của ông T3 và đi vào nhà của ông T3 lấy trộm hai máy khoan điện, một máy khoan pin, một máy bào điện, một máy mài hai đầu và một máy mài nhỏ cầm tay. Sau khi lấy trộm được tài sản, H và T1 mang về khu vực gần nhà cất giấu; đối với máy mài lớn to và nặng nên H và T1 bỏ lại trên đường đưa tài sản về nhà. Đến khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, H mang bốn máy khoan, một máy mài và một máy bào bán cho những người làm hồ trong đường H với số tiền 1.200.000 đồng. Quá trình điều tra, ông T3 còn khai nhận ngoài mất các tài sản trên thì ông T3 còn mất thêm một cái máy mài lớn sử dụng điện, màu vàng và một bộ cữ khoan khóa cửa, màu vàng nhưng bị cáo H và bị cáo T1 không thừa nhận lấy trộm.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 72/KL-HĐĐG ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản định giá trong tố tụng hình sự, kết luận: Một máy mài hai đầu, màu xanh, hiệu Total, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 80%, có giá là 896.832 đồng; hai cây khoan hoạt động bằng điện, màu xanh, hiệu BOSS, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 70%, có giá là 2.233.000 đồng; một cây khoan hoạt động bằng pin, màu xanh, hiệu Makita, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 80%, có giá là 2.144.000 đồng; một cây bào sử dụng điện màu đỏ, hiệu Ken, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 80%, có giá là 1.049.600 đồng; một

máy mài nhỏ hoạt động bằng điện, màu xanh, hiệu Makita, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 80%, có giá là 960.000 đồng; một cây kéo bằng kim loại, cán màu vàng, có chữ C-MART, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 80%, có giá là 84.000 đồng; một máy bơm nước màu xanh, hiệu CHISU (SU-384), 80bar, 2200W, 680L/H, 220V, 50Hz, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 80%, có giá là 1.543.200 đồng và một cây khoan hoạt động bằng điện, màu xanh, hiệu Boss, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 80%, có giá là 1.276.000 đồng. Riêng đối với tài sản là một máy mài lớn hoạt động bằng điện, màu vàng, đã qua sử dụng và một bộ cữ khoan khóa cửa (cữ đục khóa cửa), màu vàng, đã qua sử dụng, do tài sản không rõ thời gian mua, không có hóa đơn chứng từ, không rõ nhãn hiệu, tài sản không thu hồi được, không có căn cứ khảo sát giá nên Hội đồng định giá tài sản không đủ cơ sở để định giá. Như vậy, tổng giá trị tài sản các bị cáo lấy trộm của bị hại H2 là 2.903.200 đồng và tổng giá trị tài sản các bị cáo lấy trộm của bị hại Thê là 7.283.432 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra tạm giữ một cây kéo bằng kim loại, cán màu vàng, lưỡi màu trắng, có chữ C, đã qua sử dụng; một máy bơm nước màu xanh, hiệu CHISU (SU-384), 80bar, 2200W, 680L/H, 220V, 50Hz, đã qua sử dụng; một máy mô tua mài hai đầu, màu xanh, hiệu Tolal, đã qua sử dụng; một cái nón màu đen (nón vải), đã qua sử dụng; một cái áo thun màu đen dài tay và một cái quần Jean ngắn màu xanh lơ. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả cho ông Trịnh Đức H2 một cây kéo bằng kim loại, cán màu vàng, lưỡi màu trắng, có chữ C – Mart, đã qua sử dụng; một máy bơm nước màu xanh, hiệu CHISU (SU-384), 80bar, 2200W, 680L/H, 220V, 50Hz, đã qua sử dụng; giao trả cho ông C1 Thanh Thê một máy mô tua mài hai đầu, màu xanh, hiệu Tolal, đã qua sử dụng và giao trả cho bị cáo Lâm Văn T1 một cái nón màu đen (nón vải), đã qua sử dụng; một cái áo thun màu đen dài tay và một cái quần Jean ngắn màu xanh lơ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T3 và bị hại H2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 29 tháng 5 năm 2023, H đi bộ từ nhà của H, tại số B, đường H, khóm F, phường F, thành phố S vào khu dân cư M, phường G, thành phố S để tìm tài sản lấy trộm. Khi H đi đến nhà của bà Kha Thị Cẩm T4, số L, đường C, khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S, H thấy cửa nhà bà T4 bằng sắt nhưng đã bị hư hỏng nên H dùng tay bẻ ổ khóa làm gãy khoen gài. Sau đó, H đi vào cửa sổ nhà vệ sinh và dùng tay bẻ thanh sắt ngang cửa sổ này để tạo lối chui vào. Khi vào nhà, H thấy một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone để trên đầu tủ lạnh trong nhà bếp nên H lấy trộm; sau đó, H đi ra nhà trước thì phát hiện thêm một điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, một điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và một cái bóp; H kiểm tra bên trong bóp có số tiền 3.400.000 đồng nên H cất số tiền này vào trong túi quần và lấy hai chiếc điện thoại cầm trên tay. Sau khi lấy trộm được tài sản, H đi vào khu nhà hoang trong khu dân cư M, thành phố S ngủ. Đến sáng cùng ngày, H đem hai chiếc điện thoại di động Iphone đến tiệm điện thoại C2, số A, đường H, phường A, thành phố S bán cho ông Tăng Bá C3 với số tiền là 800.000 đồng. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung, H bán cho một người nữ lạ mặt tại khu vực cổng sau của khu công

ngiệp A, thành phố S với số tiền 1.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 112/KL-HĐĐG ngày 05 tháng 8 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, kết luận: Một điện thoại di động hiệu Sasung M33, màu xanh, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 90%, có giá là 5.940.000 đồng; một điện thoại di động hiệu Iphone 6, màu xám, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 60%, có giá là 1.770.000 đồng và một điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, màu xám, đã qua sử dụng, tỷ lệ sử dụng còn lại 60%, có giá là 2.010.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát điều tra không tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T4 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 13.120.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 138/CT-VKS-TPST ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo Lý Ngọc H, Lâm Văn T1 về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

* Tại phiên tòa:

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng* giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của bị cáo Lý Ngọc H, Lâm Văn T1 và đề nghị Tòa án tuyên bố các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: sau khi phạm tội trong quá trình điều tra các bị cáo thành khẩn khai báo; các bị cáo là người dân tộc Khmer; các bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm s khoản 1,2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 và đề nghị áp dụng Điều 17, 58, 33 Bộ luật Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Lý Ngọc H 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù; xử phạt bị cáo Lâm Văn T1 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy: Một sợi dây được xếp đôi, có nhiều mối thắt, dài 2,3 mét, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Lý Ngọc H bồi thường cho bà Đỗ Thị T2 số tiền 11.744.000 đồng; bồi thường cho bị hại Kha Thị Cẩm T4 13.120.000 đồng.

Về án phí: buộc các bị cáo H, T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- *Các bị cáo Lý Ngọc H, Lâm Văn T1*: thống nhất với nội dung Viện kiểm sát truy tố là đúng với hành vi của các bị cáo; các bị cáo không có ý kiến tranh luận bào chữa và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị hại Đỗ Thị T2, Trịnh Đức H2, Cao Thanh T3, Kha Thị Cẩm T4 được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Lý Ngọc H, Lâm Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Viện kiểm sát truy tố bị cáo; các bị cáo đã nhận được kết luận định giá tài sản các bị cáo thống nhất, các bị cáo đã biết sai và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của các bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định: Bị cáo Lý Ngọc H vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân nên trong khoảng thời gian từ ngày 17 tháng 3 năm 2023 đến ngày 29 tháng 5 năm 2023, bị cáo đã thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của người khác trên địa bàn thành phố S, trong đó có hai vụ H rủ Lâm Văn T1 là em bà con với H cùng thực hiện, cụ thể: Vụ thứ nhất: Vào khoảng hơn 01 giờ ngày 17 tháng 3 năm 2023, bị cáo H lấy trộm một cái tivi và một cái thang bằng nhôm, có tổng giá trị là 11.744.000 đồng của bị hại Đỗ Thị T2, tại số LK02 0, đường B, khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S. Vụ thứ hai: Vào khoảng hơn 00 giờ ngày ngày 19 tháng 4 năm 2023, bị cáo H và bị cáo T1 lấy trộm một máy bơm nước, một máy khoan điện và một cây kéo bằng kim loại, có tổng giá trị là 2.903.200 đồng của bị hại Trịnh Đức H2, tại số B, đường H, khóm F, phường F, thành phố S. Vụ thứ ba: Vào khoảng 02 giờ ngày 19 tháng 4 năm 2023, bị cáo H và bị cáo T1 lấy trộm một máy mô tua mài hai đầu, hai cây khoan hoạt động bằng điện, một cây khoan hoạt động bằng pin, một cây bào sử dụng điện và một máy mài hoạt động bằng điện, có tổng giá trị là 7.283.432 đồng của bị hại Cao Thanh Thế, tại số B, đường H, khóm F, phường F, thành phố S. Vụ thứ tư: Vào khoảng hơn 01 giờ 00 phút ngày 29 tháng 5 năm 2023, bị cáo H lấy trộm một điện thoại di động hiệu Sasung M33, một điện thoại di động hiệu Iphone 6, một điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus, có tổng giá trị là 9.720.000 đồng và số tiền 3.400.000 đồng của bị hại Kha Thị Cẩm T4, tại số L, đường C, khu dân cư M, khóm A, phường G, thành phố S. Tổng giá trị tài sản 04 lần bị cáo H lấy trộm của các bị hại là 35.050.632 đồng và tổng số tiền bị cáo T1 hai lần lấy trộm cùng với bị cáo H là 10.186.632 đồng.

[4] Đây là vụ án có hai bị cáo tham gia nhưng trước khi phạm tội các bị cáo

không có bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó, vài trò của bị cáo H là người khởi xướng và là người thực hành, bị cáo T1 là người thực hành tích cực nên hai bị cáo phải cùng nhau chịu trách nhiệm là phù hợp với quy định tại Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác một cách trái pháp luật; các bị cáo đủ tuổi và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Từ đó, Cáo trạng số 138/CT-VKS.TPST ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố để xét xử về tội danh và khung hình phạt nêu trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo đã bị kết án chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm; 02 bị cáo phạm tội mỗi lần chiếm đoạt tài sản có giá trị 2.000.000 đồng trở lên nên thuộc trường hợp phạm tội hai lần theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội; các bị cáo là người dân tộc Khmer nên được xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, xử phạt các bị cáo hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội với một thời gian nhất định là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của các bị cáo và nhằm để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng và tài sản khác có liên quan: Trong quá trình điều tra đã thu giữ: Một sợi dây được xếp đôi, có nhiều mối thắt, dài 2,3 mét, đã qua sử dụng là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Trong quá trình điều tra, bị hại bà Đỗ Thị T2 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 11.744.000 đồng; bị hại Kha Thị Cẩm T4 yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 13.120.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo H đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận và buộc bị cáo H có trách nhiệm bồi thường cho bị hại T4 và bị hại T2 số tiền nêu trên.

[11] Về án phí: các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo H còn phải chịu thêm án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều

136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng trình bày quan điểm luận tội và đề nghị mức hình phạt, áp dụng các biện pháp tư pháp đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, điểm a khoản 1 Điều 47, Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Tuyên bố: bị cáo Lý Ngọc H, Lâm Văn T1, phạm tội Trộm cắp tài sản.

2/. Xử phạt:

Bị cáo Lý Ngọc H 2 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/8/2023.

Bị cáo Lâm Văn T1 1 (một) năm tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

3/. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: Một sợi dây được xếp đôi, có nhiều mối thắt, dài 2,3 mét, đã qua sử dụng.

4/. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Buộc bị cáo Lý Ngọc H bồi thường cho bà Đỗ Thị T2 số tiền 11.744.000 (mười một triệu, bảy trăm bốn mươi bốn nghìn) đồng; bồi thường cho bị hại Kha Thị Cẩm T4 13.120.000 (mười ba triệu, một trăm hai mươi nghìn) đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người có quyền thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải trả lãi cho người có quyền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5/. Về án phí: Buộc bị cáo Lý Ngọc H, Lâm Văn T1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Lý Ngọc H phải nộp 1.243.200 (một triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6/. Thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị cáo, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- CQCSĐT - Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo và những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu Tòa án thành phố Sóc Trăng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trúc Phương